



zhuó zi

镯子

noun · bracelet (colloquial)

Example Sentence

tā dài le yī gè yín zhuó zi
她戴了一个银镯子。

She is wearing a silver bracelet.

Trace each character, then write the word on your own.

镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯
镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	镯	
子	子	子	子	子	子					